Name:

I. Fill in the blanks.

WORD	WORD FORM	MEANING
=obtain/ achieve	v	giành được, đạt được
	adj	có sẵn
	n	sự tiếp thị

LIVEWORKSHEETS

	v phr	tìm thấy/ nảy ra (ý tưởng/ giải pháp)
	v	kiếm được, đạt tới,…
	n	nghề nghiệp
	v phr	chờ đợi, trông đợi
	adj	tạm thời

LIVEWORKSHEETS

	v	theo đuổi, tiếp tục
get/ be s.b	v phr	liên lạc, tiếp xúc với ai
	adj	lâu dài, thường xuyên, cố định

II. Fill in the blanks with suitable words/ phrases in I.

1. Her new book is _____ in bookstores all across America.

LIVEWORKSHEETS

2. After you've _____ some experience teaching abroad, you can come home and get a job.

3. I'm also thinking of applying for a (n)_____ job in the summer.

4. Mr. Harris was previously director of sales and _____ .

5. I've _____ a university place to study economics.

LIVEWORKSHEETS

6. I'm really _____ my holiday.

7. Most police departments keep a(n) _____ record of all violent crimes committed in their area.

LIVEWORKSHEETS